

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 09 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 22 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Frit Phú Xuân tại Công văn số
01/GPMT-FPX ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi
trường Nhà máy sản xuất men frit; Công văn số 024/CVGT-FPT ngày 24 tháng
12 năm 2024 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề
xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất men frit và hồ sơ
kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại
Tờ trình số 157/TTr-KKTCN ngày 17 tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Frit Phú Xuân, địa chỉ tại Khu B,
Khu công nghiệp Phong Điền, thị xã Phong Điền, thành phố Huế được thực hiện
các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất men frit với các
nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư, cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất men frit.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-09, Khu B, Khu công nghiệp Phong Điền, thị xã Phong Điền, thành phố Huế (thuê lại đất của Công ty Cổ phần Prime Thiên Phúc).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7745503767 được Ban Quản lý các Khu công nghiệp (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp) chứng nhận lần đầu ngày 30/11/2015, được Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 13/09/2018.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301571676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Huế cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/11/2015.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 29.900 m².

- Quy mô công suất: 40.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý và tuần hoàn tái sử dụng nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Frit Phú Xuân có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố theo đúng quy định.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở TN&MT;
- UBND thị xã Phong Điền;
- Công ty Cổ phần Prime Thiên Phúc;
- Công ty Cổ phần Frit Phú Xuân;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 09/GPMT-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn phát sinh bụi, khí thải của cơ sở: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất bên trong nhà xưởng của cơ sở (bụi, khí thải phát sinh tại hệ thống nghiền sấy cát, công đoạn sấy nghiền nguyên liệu, khu vực si lô cân nguyên liệu; lò nung nguyên liệu, ...).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Cơ sở có 03 dòng bụi, khí thải từ hoạt động của dây chuyền sản xuất frit sau khi được xử lý xả vào môi trường không khí.

- Bụi, khí thải từ 04 lò nung dẫn qua 02 hệ thống nghiền sấy cát (tương ứng với dòng khí thải từ 02 lò nung dẫn vào 01 hệ thống nghiền sấy cát) được xử lý và thải vào môi trường qua 02 ống khói thải vào môi trường.

- Bụi phát sinh từ các thiết bị lọc bụi được xử lý và thải vào môi trường qua 01 ống thải vào môi trường.

2.1. Vị trí xả thải: Tại 02 ống khói và 01 ống thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3°):

Stt	Vị trí	Hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trực 107, múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
1	Ống khói tại thiết bị Cyclone của hệ thống nghiền sấy cát số 1	1.835.957,17	539.588,37
2	Ống khói tại thiết bị Cyclone của hệ thống nghiền sấy cát số 2	1.835.955,20	539.599,25
3	Ống thải của các thiết bị lọc bụi	1.835.927,92	539.612,46

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất khoảng 150.000 m³/giờ, trong đó:

- Khí thải phát sinh từ thiết bị Cyclone của hệ thống nghiền sấy cát số 1 với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 30.000 m³/giờ;

- Khí thải phát sinh từ thiết bị Cyclone của hệ thống nghiền sây số 2 với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 30.000 m³/giờ;

- Khí thải phát sinh sau các thiết bị lọc bụi với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 90.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, liên tục trong thời gian hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải đảm bảo đạt QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (*cột B, giá trị C_{max}, K_p = 0,8 và K_v = 1,0*), trong đó:

- Khí thải phát sinh sau hệ thống nghiền sây cát

STT	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn cho phép	Đơn vị tính	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	160	mg/Nm ³	06 tháng/lần; khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền
2	CO	800	mg/m ³	
3	SO ₂	400	mg/m ³	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	800	mg/m ³	

- Khí thải phát sinh sau thiết bị lọc bụi

STT	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn cho phép	Đơn vị tính	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	160	mg/Nm ³	06 tháng/lần; khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Mạng lưới thu gom; công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Hệ thống thu gom; công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại các công đoạn sản xuất: Cơ sở đã lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi tại các điểm phát sinh bụi, khí thải trong quá trình sản xuất, cụ thể:

- Hệ thống thu gom tại các điểm phát sinh bụi và xả thải ra môi trường: Sử dụng đường ống chất liệu uPVC D140 với tổng chiều dài 82 m; đường ống thu gom chung, thải bụi, khí thải sau xử lý ra môi trường có chất liệu uPVC D250.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải: Bụi từ khu vực nghiền, si lô và công đoạn sấy nghiền nguyên liệu sẽ được thu gom thông qua thiết bị chụp hút. Sau đó, bụi và khí thải thông qua hệ thống ống hút đi đến thiết bị lọc bụi tay áo; tại đây, một phần các hạt bụi sẽ được giữ lại, rơi xuống đáy thiết bị và sẽ được thu hồi vào thùng chứa. Định kỳ tiến hành quá trình rũ bụi trên bề mặt của ống tay áo, phần khí sạch sẽ thoát ra ngoài qua ống thoát bụi. Chủ cơ sở lắp đặt 10 hệ thống lọc bụi tay áo, công suất mỗi hệ thống từ 6.800 – 9.000 m³/giờ. Dòng thải sau khi được xử lý xả ra môi trường không khí xung quanh thông qua 01 ống khói thải.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại trạm khí hóa than

- Cơ sở đã đầu tư 02 trạm khí hóa than (01 trạm hoạt động, 01 trạm dự phòng không hoạt động); mỗi trạm than có 01 Cyclone đi kèm.

- Thông số kỹ thuật: Cyclone cao 7 m, trong đó buồng lắng cao 4 m, thân buồng cao 3 m, buồng xử lý D2100. Vật liệu: Thép tiền chế.

- Dòng khí từ quá trình sản xuất khí hóa than được làm sạch bằng thiết bị cyclon trước khi dẫn vào lò nung để nung nóng chảy hỗn hợp nguyên liệu sản xuất men frit. Bụi thu hồi được thu gom, tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất.

1.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại lò nung

- Cơ sở có 4 lò nung với kết cấu, công suất và quy trình hoạt động hoàn toàn giống nhau. Khí than được cấp đến lò nung qua buồng trao đổi nhiệt có hệ thống gạch gốm xếp zích zắc, bụi thải bị va đập và tích tụ dưới hệ thống trao đổi nhiệt, lượng bụi này khi làm vệ sinh thu hồi lại để đưa vào làm nguyên liệu để nấu frit. Phần nhiệt khí thải sau khi giảm nhiệt độ ở lò nung được tận dụng để nghiền sấy cát. Khí thải sau quá trình sấy qua 02 hệ thống cyclon để xử lý trước khi thải ra môi trường bên ngoài qua 02 ống khói có độ cao 16m.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống Cyclone xử lý bụi, khí thải tại công đoạn nghiền sấy cát gồm:

+ Ống khói: (D400mm), cao 16 m.

+ Chiều cao hệ thống: 6,05 m.

+ Quạt hút ly tâm: điện áp 380V, công suất 7,5 kW, tốc độ 2.800 v/p, áp suất 1.100-800 Pa.

- Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Giá trị C_{max}, cột B, K_p=0,8, K_v=1) và thoát ra ngoài qua 02 ống khói và 01 ống thải.

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ 01 tháng/lần, tiến hành kiểm tra bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi và khí thải của lò khí hóa than, khu vực sấy nung và thiết bị xử lý bụi;
- Bố trí công nhân vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải. Khi có sự cố xảy ra thì Chủ cơ sở phải tạm dừng hoạt động sản xuất để khắc phục, sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm khoảng 06 tháng, dự kiến như sau:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Quý I/2025.
- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Quý II/2025.

Trước khi bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo, gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Phong Điền) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm

Thiết bị Cyclone của hệ thống nghiền sấy cát (02 thiết bị) và thiết bị lọc bụi (10 thiết bị).

2.3. Vị trí lấy mẫu:

Tại điểm xả ra môi trường không khí xung quanh của dòng khí thải sau khi được xử lý tại thiết bị Cyclone của hệ thống nghiền sấy cát và thiết bị lọc bụi (theo tọa độ được cấp phép xả thải tại Phần A của Phụ lục này).

2.4. Thông số chính và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Ống khói tại thiết bị Cyclone của hệ thống nghiền sấy cát: Thông số quan trắc, giám sát là lưu lượng, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO.
- Ống thải tại thiết bị lọc bụi: Thông số quan trắc, giám sát là lưu lượng, bụi tổng.

2.5. Tần suất lấy mẫu: Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo). Loại mẫu: mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ VÀ TUẦN HOÀN TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 09/GPMT-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ

1. Các nguồn phát sinh nước thải, trong đó:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh tay chân, bệ xí, bệ tiểu.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn.
- Nguồn số 3: Nước thải công nghiệp phát sinh từ phòng kiểm tra sản phẩm.
- Nguồn số 4: Nước thải công nghiệp từ bể tạo hạt.

2. Nguồn nước tiếp nhận

Chủ cơ sở tự xử lý các nguồn phát sinh, lưu chứa tại bể chứa nước tuần hoàn nhằm tái sử dụng cho hoạt động sản xuất.

2.2. Vị trí xả nước thải

Chủ cơ sở tuần hoàn tái sử dụng, không có hoạt động xả thải ra bên ngoài khuôn viên cơ sở, không xả thải vào môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NỔI NƯỚC THẢI

1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

Tất cả các nguồn phát sinh nước thải của cơ sở được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa uPVC, đường kính D110 và đường ống HPDE, đường kính D25. Nước thải sinh hoạt (nước thải từ hoạt động vệ sinh của cán bộ công nhân viên được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại; nước thải từ khu nhà ăn được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ) và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng kiểm tra sản phẩm) được dẫn qua 3 bồn chứa vật liệu cát, than và đá để lọc, sau đó dẫn đến hố ga và được bơm dẫn về Bể chứa nước tuần hoàn sản xuất bằng đường ống HPDE, đường kính D25. Nước thải phát sinh tại công đoạn tạo hạt được thu gom bằng đường mương BTCT đến bể chứa nước tuần hoàn sản xuất, không xả thải ra ngoài môi trường.

Chủ cơ sở phải đảm bảo tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở; đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý và tái sử dụng triệt để. Tuyệt đối không phát sinh bất kỳ điểm xả, điểm đầu nổi nước thải so với Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

2.1. Bể tự hoại

Chủ cơ sở xây dựng 02 bể tự hoại tại khu vực nhà văn phòng có kết cấu bằng bê tông, cốt thép chống thấm (với kích thước mỗi bể: 3,0 m x 1,6 m x 2,3 m).

2.2. Bể tách dầu mỡ

Bể tách dầu mỡ có kết cấu inox. Số lượng: 1 bể, kích thước 0,8 m x 0,4 m x 0,5m. Nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom đến bể tách dầu mỡ. Tại đây, dầu mỡ sẽ nổi lên mặt nước, phần nước thải ở dưới cùng với nước thải sau bể tự hoại dẫn đến bồn lắng lọc 1.

2.3. Bồn lọc

Cơ sở lắp đặt 3 bồn lọc bằng nhựa, thể tích 200 lít/bồn để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ phòng thí nghiệm sản phẩm. Trong các bồn, được đặt các vật liệu lọc bằng cát, đá và than để lọc, hấp thụ các chất ô nhiễm trong nước thải. Nước sau khi được xử lý bởi các bồn lắng lọc, được dẫn vào bể chứa nước tuần hoàn sản xuất.

2.4. Bể chứa nước tuần hoàn sản xuất

Tất cả các nguồn nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom đưa đến bể chứa nước tuần hoàn sản xuất. Nước từ bể chứa nước tuần hoàn sản xuất được cấp tái sử dụng lại cho hoạt động sản xuất. Bể chứa nước tuần hoàn sản xuất: BTCT, thể tích 2.700 m³.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 09 /GPMT-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Từ các hoạt động vận hành sản xuất (dây chuyền máy móc, thiết bị, ...).
- 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Khu vực sản xuất trong khuôn viên nhà máy.
- 3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:**

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các khu vực đặt dây chuyền sản xuất cách ly với khu vực văn phòng để giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn.
- Chủ cơ sở phải trang bị dụng cụ bảo hộ chống ồn cho công nhân tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn lớn.
- Vận hành máy móc thiết bị theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Các máy móc thiết bị rung lớn được lắp đặt trên nền bê bằng phẳng và chắc chắn, bằng bê tông. Móng bê máy đúc đủ khối lượng, sử dụng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền. Lắp đặt lớp đệm cao su chân máy để giảm rung khi máy hoạt động.

- Bố trí thời gian sản xuất, chế độ hợp lý để tránh làm việc quá lâu trong khu vực có tiếng ồn cao.

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn phát ra bên ngoài

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 09/GPMT-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	347
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	100
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	9
	Tổng			456

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Xi than (đã phân định)	Rắn	04 02 01	230.275
2	Bụi thu gom từ công trình, thiết bị xử lý bụi (bụi từ thiết bị lọc bụi và bụi từ thiết bị Cyclone)	Rắn	06 02 04	2.560
3	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý (bao bì mềm, giấy nilong,...)	Rắn	18 01 05	11.022
	Tổng			243.857

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 30 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

- Đối với chất thải nguy hại trạng thái lỏng: Thu gom và lưu chứa trong các phuy chứa, có nắp đậy kín để tránh chảy tràn.

- Đối với chất thải nguy hại trạng thái rắn được thu gom và lưu chứa trong bao bì mềm, buộc kín và lưu chứa trong thùng vật liệu HDPE loại 120 lít (số lượng 03 thùng).

- Bao bì, thiết bị lưu chứa các loại chất thải nguy hại của Nhà máy phải có mã chất thải nguy hại, ký hiệu cảnh báo theo quy định. Không thu gom lẫn lộn các loại chất thải nguy hại trong quá trình lưu giữ.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

Nhà máy có kho lưu giữ CTNH với diện tích 15m², kết cấu bằng trụ thép và tôn.

Chủ cơ sở phải hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh. Thời điểm nộp hồ sơ cấp giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất frit, chủ cơ sở đang hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ - Điện-Môi trường Lilama để vận chuyển, xử lý CTNH theo Hợp đồng số 01/2024/HĐKT/DSO/FRITPX-LLM ngày 02/01/2024. Sau khi hết thời hạn hợp đồng, chủ cơ sở phải tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chủ cơ sở phải tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm khác nhau để tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao để xử lý theo quy định tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Bố trí bao bì/thiết bị lưu chứa phù hợp với các nhóm chất thải sinh hoạt sau khi đã phân loại.

Chủ cơ sở đã trang bị 21 thùng chứa rác bằng nhựa HPDE (thể tích 120 lít/thùng) tại các khu vực Nhà máy để thu gom, phân loại toàn bộ lượng rác thải phát sinh.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chất thải rắn sinh hoạt được công nhân vệ sinh vận chuyển đến kho tập kết rác thải sinh hoạt tại phía sau lưng nhà xưởng sản xuất.

Chủ cơ sở phải hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Thời điểm nộp hồ sơ cấp giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất frit, chủ cơ sở đang hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại xây dựng và Dịch vụ môi trường Thừa Thiên Huế tại Hợp đồng số 09/HĐKT/2024 ngày 06/3/2024 để vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh. Sau khi hết thời hạn hợp đồng, chủ cơ sở phải tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Xi than: Chủ cơ sở đã xây dựng kho chứa diện tích khoảng 1.120 m², trong đó, khu vực chứa xi than có diện tích khoảng 150m². Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Coxano - Trường Sơn để thu gom, vận chuyển, tái sử dụng tro xi than (*theo hợp đồng nguyên tắc số 010/2024/FPX- COXANO ngày 03/01/2024. Công ty TNHH Coxano - Trường Sơn sử dụng tro xi than để làm phụ liệu sản xuất gạch tuynel làm vật liệu xây dựng*).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: Bụi thu gom từ quá trình sản xuất, chủ cơ sở tái sử dụng để làm nguyên liệu sản xuất, nguyên liệu đốt cho trạm khí hóa than. Đối với bao bì mềm, giấy ni lông,... được thu gom, tái sử dụng 100% để đựng thành phẩm.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát trong quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom và xử lý, không thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ: Chủ cơ sở phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Huế tổ chức tập huấn cho công nhân lao động về kiến thức và thực hành về công tác phòng, chống cháy nổ tại chỗ cho cơ sở hàng năm.

2. Sự cố hư hỏng máy móc thiết bị: Chủ cơ sở định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị; trường hợp phát hiện hư hỏng dừng ngay hoạt động sản xuất khi có sự cố để sửa chữa thiết bị.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 09/GPMT-UBND
ngày 22 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Tuyệt đối không có bất cứ hoạt động xả nước thải ra môi trường hoặc xả ra bên ngoài khuôn viên cơ sở dưới mọi hình thức. Đảm bảo tuân thủ tuyệt đối việc xử lý, tuần hoàn toàn bộ các loại nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi cơ sở. Có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi cơ sở.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải đã được cấp phép; hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Đảm bảo bố trí đầy đủ sàn thao tác, điểm (cửa) lấy mẫu khí thải phục vụ việc lấy mẫu đối với

quan trắc định kỳ và quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường./.